TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2020/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 24 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Tăng Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn An T, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng;

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn An T, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa bà Tăng Thị T và ông Võ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa T của các đương sự về con chung, tài sản chung, nợ chung và án phí cụ thể như sau:

Về con chung: Giao hai con chung là Võ Phương L, sinh ngày 23/5/2008 và Võ AT, sinh ngày 11/01/2015 cho ông Võ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.400.000 đồng (700.000 đồng/con/tháng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 10/8/2020 cho đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa T của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa T thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm T toán.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà T tự nguyện chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Tăng Thị T chịu.

Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tại biên lai thu số 0000198 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà T còn phải nộp thêm 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa T, huyện Hòa Vang;
  (Đăng ký kết hôn số 41/2008)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh